

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số : 35/2020/DS-ST
Ngày : 20-8-2020
V/V tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quốc Tiết.

Ông Đặng Văn Bé.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 129/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2020 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T. Địa chỉ: đường số A, khu dân cư D, phường E, Thành phố A, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Đinh Thị U. Địa chỉ: ấp A, xã C, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24-6-2020 và quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn T là nguyên đơn trình bày: Vào năm 2019 ông có cho bà Đinh Thị U vay tiền cụ thể như sau:

- Đợt 1: Vào ngày 24/8/2019, bà Út có vay của ông số tiền 105.000.000 đồng.
 - Đợt 2: Vào ngày 15/9/2019, bà Út có vay của ông số tiền 15.000.000 đồng.
 - Đợt 3: Vào ngày 19/9/2019, bà Út có vay của ông số tiền 10.000.000 đồng.
 - Đợt 4: Vào ngày 24/9/2019, bà Út có vay của ông số tiền 30.000.000 đồng.
 - Đợt 5: Vào ngày 05/10/2019, bà Út có vay của ông số tiền 10.000.000 đồng.
 - Đợt 6: Vào ngày 12/10/2019, bà Út có vay của ông số tiền 10.000.000 đồng.
- Tổng cộng là 180.000.000 đồng.

Hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 3%/tháng, không hạn thời gian thanh toán,

khi nào bà U có tiền thì trả vốn vay cho ông. Vào 16/12/2019 ông đến đòi nợ bà U thì bà U không có mặt ở nhà và ông có yêu cầu Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Công hòa giải.

Nay ông yêu cầu bà U phải trả 180.000.000 đồng vốn vay và tiền lãi là $1\%/tháng \times 7 \text{ tháng} = 12.600.000$ đồng (tính từ tháng 12 năm 2019 đến tháng 7 năm 2020), tổng cộng vốn vay và lãi chậm trả là 192.600.000 đồng. Ông yêu cầu bà U phải trả cho ông mỗi tháng là 19.260.000 đồng cho đến khi xong nợ, thời gian thanh toán tính từ ngày 20/8/2020.

Tại phiên tòa ông T không đồng ý cho bà U trả dần 2.000.000 đồng/ tháng cho đến khi xong nợ.

Bị đơn bà Đinh Thị U trình bày: Bà có vay tiền của ông T nhiều lần trong năm 2019, tổng cộng vốn vay là 180.000.000 đồng. Nay ông T yêu cầu bà trả 180.000.000 đồng vốn vay và tiền lãi chậm trả là 12.600.000 đồng thì bà đồng ý. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn, bà xin ông T cho bà trả dần mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi xong nợ, thời gian bắt đầu tính từ ngày 10/9/2020.

Tại phiên tòa bà U xác định: Bà có vay tiền của ông T với lãi suất là 30%/ngày, trả lãi mỗi ngày với số tiền lãi là 1.800.000 đồng nhưng bà không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên bà không yêu cầu Tòa án khấu trừ lại số tiền vốn vay đã nợ ông T.

Tại phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, cũng như không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ của vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại tòa phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Văn T khởi kiện bà Đinh Thị U về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy ông T yêu cầu bà U phải trả cho ông T là 180.000.000 đồng tiền vốn vay và lãi suất chậm trả là 12.600.000 đồng, tổng cộng là 192.600.000 đồng. Qua quá trình giải quyết vụ án, hòa giải và tại phiên tòa hai bên đương sự thống nhất bà U còn nợ ông T vốn vay, lãi chậm trả tổng cộng là 192.600.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn bà U xin trả dần cho ông T mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi xong nợ, việc xin trả dần của bà U không được ông T chấp nhận, không phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần buộc bà U có trách nhiệm trả cho ông T số tiền vốn vay, lãi chậm trả là 192.600.000 đồng theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với số tiền lãi bà U xác định đã trả cho ông T mỗi ngày là 1.800.000 đồng, bà U không có tài liệu, chứng cứ chứng minh và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 463, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Đinh Thị U.

Buộc bà Đinh Thị U phải trả cho ông Nguyễn Văn T với số tiền vốn vay là 180.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả là 12.600.000 đồng, tổng cộng số tiền vốn vay, lãi chậm trả là 192.600.000 đồng (một trăm chín mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông T được nhận lại 5.400.000 đồng (năm triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000502 ngày 06 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Bà U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 9.630.000 đồng (chín triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng).

3. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự
- Lưu (hồ sơ, án văn)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Bảo Trí

